

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/LĐ-ST

Ngày: 13/7/2017

V/v tranh chấp lao động
về bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa:

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 06/2017/TLST-LĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp lao động về bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 688/2017/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP L; địa chỉ trụ sở: Đường T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Nam H; địa chỉ cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2017) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc T; địa chỉ cư trú: Đường T, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28/02/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Huỳnh Nam H trình bày: Ngân hàng TMCP L (sau đây viết tắt là Ngân

hàng) và ông Bùi Ngọc T có ký hợp đồng lao động số 1138 HĐLĐ-2010 ngày 17/12/2010 loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 36 tháng kể từ ngày 17/12/2010 đến ngày 16/12/2013. Công việc của Ông T là nhân viên lái xe thuộc phòng Hành chính – Quản trị của Ngân hàng TMCP L. Ngày 23/12/2011 Ông T được giao nhiệm vụ đăng ký trước bạ mua và mua bảo hiểm cho 03 xe ô tô chuyên dùng mới với số tiền nhận tạm ứng là 302.991.000đ nhưng không thực hiện đầy đủ công việc. Cụ thể, Ông T chỉ đã đăng ký trước bạ và mua bảo hiểm cho 02 xe ô tô mang biển kiểm soát 51A-26413 và 51A-26414 với tổng số tiền 200.315.866 đồng. Số tiền chênh lệch còn lại 102.675.134 đồng không hoàn trả lại cho Ngân hàng mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện sự việc, Ngân hàng đã tiến hành làm việc với Ông T, Ông T đã thừa nhận và làm bản cam kết sẽ hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền trên trong 30 ngày nhưng Ông T không thực hiện đúng cam kết. Ngày 04/8/2012 Ngân hàng TMCP L ban hành Quyết định kỷ luật đối với ông Bùi Ngọc T với hình thức sa thải; về phân trách nhiệm vật chất buộc Ông T phải bồi thường cho Ngân hàng số tiền 100.508.551 đồng trong thời hạn một tháng. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay Ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Vì vậy, Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Ngọc T bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng số tiền 100.508.551 đồng.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm có: Bản cam kết trả tiền của ông Bùi Ngọc T viết ngày 28/5/2012; Hợp đồng lao động của ông Bùi Ngọc T với Ngân hàng TMCP L; quyết định kỷ luật đối với ông Bùi Ngọc T và các tài liệu liên quan đến các khoản kinh phí giao cho Ông T thực hiện nhiệm vụ; Quyết định giải quyết việc dân sự về thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Bùi Ngọc T; các hóa đơn; thông tin đăng báo tìm kiếm đối với Ông T.

Ngày 19/10/2015 Ngân hàng TMCP L đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp để yêu cầu giải quyết vụ kiện. Do Ông T đi khỏi nơi cư trú và Ngân hàng không xác định được nơi cư trú mới của Ông T nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ngân hàng đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt đối với Ông T. Ngày 25/5/2016 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 357/2016/QDDS-ST ngày 25/5/2016 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thông báo tìm kiếm người vắng mặt đối với ông Bùi Ngọc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tại nơi cư trú cuối cùng của Ông T để triệu tập Ông T đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Ông T không đến Tòa và cũng không có văn bản ghi nhận ý

kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc T bồi thường thiệt hại trong quá trình làm việc theo hợp đồng lao động nên đây là tranh chấp lao động về bồi thường thiệt hại. Ông T có nơi cư trú tại quận G nên căn cứ quy định tại các Điều 32, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Ông T.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy quan hệ lao động giữa ông Bùi Ngọc T với Ngân hàng TMCP L được xác lập vào năm 2010 theo hợp đồng lao động số 1138 HĐLĐ-2010 ngày 17/12/2010 đến năm 2012 thì chấm dứt theo Quyết định số 1339/QĐ-NHKL ngày 04/8/2012 của Ngân hàng TMCP L về xử lý kỷ luật đối với ông Bùi Ngọc T bằng hình thức sa thải. Do đó, pháp luật lao động được viện dẫn để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ quan hệ lao động nêu trên là Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2002, 2006, 2007). Theo quy định tại Điều 167 của Bộ luật lao động năm 1994 thì thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là một năm, kể từ ngày mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm. Tại quyết định số 1339/QĐ-NHKL ngày 04/8/2012 Ngân hàng TMCP L đã xử lý kỷ luật ông Bùi Ngọc T với hình thức sa thải và buộc ông Bùi Ngọc T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 100.508.551 đồng trong thời hạn một tháng. Do Ông T không thực hiện việc hoàn trả tiền cho Ngân hàng nên kể từ ngày 05/9/2012 được xem là ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng bị xâm phạm. Ngày 19/10/2015 Ngân hàng TMCP L có đơn khởi kiện ông Bùi Ngọc T và được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý ngày 13/11/2015, nhưng do Ngân hàng không xác định được địa chỉ nơi cư trú của Ông T nên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với Ông T và nộp đơn khởi kiện lại vào ngày 28/02/2017. Như vậy, tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng bị xâm phạm (ngày

05/9/2012) đến ngày ngân hàng nộp đơn khởi kiện lần đầu (ngày 19/10/2015) và lần thứ hai (ngày 28/02/2017) là đã hết thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, phía ngân hàng không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Về phía Ông T cũng không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP L buộc ông Bùi Ngọc T phải bồi thường số tiền 100.508.551 đồng: Tại Bản cam kết ngày 28/5/2012 của ông Bùi Ngọc T, Ông T xác nhận trong quá trình làm việc đã sử dụng số tiền do ngân hàng tạm ứng phục vụ công việc vào việc chi tiêu cá nhân là 112.463.200 đồng và cam kết sẽ hoàn trả lại cho ngân hàng. Do Ông T không thực hiện nên Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu Ông T bồi thường thiệt hại là có cơ sở và phù hợp với quy định của bộ luật lao động.

[4] Xét tại quyết định số 1339/QĐ-NHKL ngày 04/8/2012 Ngân hàng TMCP L đã xử lý kỷ luật ông Bùi Ngọc T với hình thức sa thải; về phân trách nhiệm vật chất, Ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền tạm ứng là 100.508.551 đồng và bồi thường giá trị còn lại của chiếc xe ô tô mang biển số 50Z-7058 tại thời điểm mất. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 28/02/2017 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP L chỉ khởi kiện yêu cầu Ông T bồi thường số tiền là 100.508.551 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L đối với số tiền 100.508.551 đồng.

[5] Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, triệu tập Ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng Ông T vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L. Căn cứ khoản 2 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L về việc buộc Ông T phải bồi thường số tiền 100.508.551 đồng.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên ông Bùi Ngọc T phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 89 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2002, 2006, 2007); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Bùi Ngọc T trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền 100.508.551đ (Một trăm triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, năm trăm năm mươi một đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông T không thi hành thì Ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí lao động sơ thẩm là 3.015.256đ (Ba triệu, không trăm mười lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) Ông T phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018022 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Hà